

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÀNG LONG  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/HS - ST

Ngày: 14 - 02 - 2025

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Diễm

Ông Nguyễn Văn Điền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Văn Dư - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:**  
Ông Cao Minh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 73/2024/HSST, ngày 03 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST – HS, ngày 07 tháng 01 năm 2025 và thông báo về việc dời ngày xét xử vụ án hình sự số: 70/TB-TA, ngày 16 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

- Nguyễn Thị K, sinh ngày 01/01/1969.

Nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T, (đã chết) và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1939; Anh chị em ruột: Có 03 người, (lớn sinh năm 1959, nhỏ sinh năm 1966); Chồng: Phùng Văn K1, sinh năm 1966; Con: Có 02 người, (lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000); Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 08/08/2024 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

**- Bị hại:**

1. Bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1981. (xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1979. (xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1978. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Dương Nguyễn Thiên T2, sinh năm 1984. (xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Ngọc H1, sinh năm 1967. (xin xét xử vắng mặt)
2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1976. (xin xét xử vắng mặt)
3. Bà Lưu Thị H2, sinh năm 1976. (xin xét xử vắng mặt)
4. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1976. (xin xét xử vắng mặt)
5. Bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1973. (xin xét xử vắng mặt)
6. Bà Nguyễn Như H3, sinh năm 1999. (xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Lưu Thị Mỹ V, sinh năm 1964. (xin xét xử vắng mặt)
8. Bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1981. (xin xét xử vắng mặt)
9. Bà Lý Hồng T4, sinh năm 1981. (xin xét xử vắng mặt)
- Cùng nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
10. Bà Đồng Thị H4, sinh năm 1994. (xin xét xử vắng mặt)
11. Bà Hồ Thị L, sinh năm 1963. (xin xét xử vắng mặt)
12. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1988. (xin xét xử vắng mặt)
13. Bà Lê Thị D1, sinh năm 1965. (xin xét xử vắng mặt)
14. Bà Nguyễn Trúc P, sinh năm 1993. (xin xét xử vắng mặt)
15. Bà Phan Thị Ngọc H5, sinh năm 1988. (xin xét xử vắng mặt)
- Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
16. Bà Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1973. (xin xét xử vắng mặt)
- Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
17. Ông Nguyễn Tấn S1, sinh năm 1964. (xin xét xử vắng mặt)
- Nơi cư trú: Số B, khóm E, phường G, Thành phố T, tỉnh Trà Vinh.
18. Bà Dương Thị Ngọc O, sinh năm 1977. (xin xét xử vắng mặt)
19. Bà Hồ Thị H6, sinh năm 1980. (xin xét xử vắng mặt)
20. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1965. (xin xét xử vắng mặt)
21. Bà Hán Thị T5, sinh năm 1982. (xin xét xử vắng mặt)
22. Bà Trần Thị H7, sinh năm 1975. (xin xét xử vắng mặt)
23. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1989. (xin xét xử vắng mặt)
- Cùng nơi cư trú: Ấp Đ, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
24. Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1988. (xin xét xử vắng mặt)
25. Bà Ngô Thị G, sinh năm 1960. (xin xét xử vắng mặt)
26. Bà Trần Thị H8, sinh năm 1967. (xin xét xử vắng mặt)
27. Bà Phan Thị M, sinh năm 1963. (xin xét xử vắng mặt)
28. Bà Trần Thị T7, sinh năm 1982. (xin xét xử vắng mặt)
29. Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1956. (xin xét xử vắng mặt)
- Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
30. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 2000. (xin xét xử vắng mặt)
- Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
31. Bà Sơn Thị T8, sinh năm 1979. (xin xét xử vắng mặt)
32. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1982. (xin xét xử vắng mặt)
- Cùng nơi cư trú: Ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
33. Bà Nguyễn Thị Mỹ H9, sinh năm 1978. (xin xét xử vắng mặt)
34. Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1954. (xin xét xử vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
35. Ông Lê Minh H10, sinh năm 1969. (xin xét xử vắng mặt)  
Nơi cư trú: Ấp R, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
36. Bà Nguyễn Thị Huyền N2, sinh năm 1987. (xin xét xử vắng mặt)  
37. Bà Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 1993. (xin xét xử vắng mặt)  
38. Bà Nguyễn Thị S2, sinh năm 1967. (xin xét xử vắng mặt)  
39. Bà Lưu Thị T9, sinh năm 1959. (xin xét xử vắng mặt)  
Cùng nơi cư trú: Ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
40. Bà Nguyễn Thị N4, sinh năm 1963. (xin xét xử vắng mặt)  
41. Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1972. (xin xét xử vắng mặt)  
Cùng nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
42. Bà Nguyễn Mộng T10, sinh năm 1993. (xin xét xử vắng mặt)  
Nơi cư trú: Ấp C, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
43. Bà Lê Thị T11, sinh năm 1977. (xin xét xử vắng mặt)  
Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.  
44. Bà Huỳnh Thị V1, sinh năm 1972. (xin xét xử vắng mặt)  
Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị K bắt đầu làm đầu thảo hội (chủ hội) hưởng tiền hoa hồng, bị cáo mở nhiều dây hội gồm nhiều loại hội khác nhau, hội viên tham gia chủ yếu cư trú tại xã N, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh và một số hội viên ở địa phương khác. Giai đoạn đầu bị cáo K tổ chức khai hội, giao tiền hội đầy đủ đúng hạn, hội viên rất tin tưởng. Đến năm 2023, bị cáo K đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của các hội viên để có tiền tiêu xài cá nhân, trả nợ các khoản vay, lãi vay, đóng hội ở các phần hội. Bị cáo K lấy tên của các hội viên tham gia chơi trong dây hội để hốt, đồng thời khi mở dây hội mới bị cáo Kim kê tên không vào dây hội để hốt hội, các hội viên hoàn toàn không biết. Đến tháng 10 năm 2023, bị cáo Kim rời khỏi địa phương, không tiếp tục tổ chức các dây hội do không còn khả năng thanh toán cho hội viên. Tại thời điểm ngừng hội còn 13 dây hội chưa kết thúc (chưa mãn hội) được mở trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023 Dương lịch.

Trong 13 dây hội chưa kết thúc (chưa mãn), có 04 dây hội bị cáo K có hành vi gian dối lấy tên của hội viên tham gia chơi hốt hội, kê tên không vào dây hội hốt hội chiếm đoạt tổng số tiền 116.870.000 đồng, cụ thể từng dây hội như sau:

Dây hội tuần 200.000 đồng mở ngày 26/7/2023 Âm lịch (10/9/2023 Dương lịch), gồm 30 phần hội, có 14 người tham gia (bị cáo tham gia 01 phần hội, đã hốt hội). Dây hội 01 tuần tổ chức gom hội và giao hội 01 kỳ, đến khi ngừng hội được 06 kỳ. Trong đó, 01 phần bị cáo hốt thật, còn lại 03 kỳ bị cáo kê không tên T12 (ở kỳ 02); Chị C (ở kỳ 03); C1 (ở kỳ 04) hốt hội, chiếm đoạt 11.700.000 đồng. Bị cáo

tự ý hốt hụi mà không thông báo cho hụi viên là bà Trần Thị Thùy T1, sinh năm 1981, nơi thường trú ấp D, xã N, tự ý hốt ở kỳ 05 và 06, chiếm đoạt 7.800.000 đồng. Dây hụi còn 23 phần hụi sống, hụi viên đóng số tiền 18.900.000 đồng.

Dây hụi tuần 200.000 đồng mở ngày 29/7/2023 Âm lịch (13/9/2023 Dương lịch), gồm 30 phần hụi, có 17 người tham gia (bị cáo không tham gia hụi). Dây hụi 01 tuần tổ chức gom hụi và giao hụi 01 kỳ, đến khi ngừng hụi được 05 kỳ. Trong đó, 02 phần hụi viên hốt thật còn lại 03 kỳ bị cáo tự ý hốt hụi mà không thông báo cho hụi viên là bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1979, nơi thường trú ấp D, xã N, tự ý hốt ở kỳ A, 04 và 05, chiếm đoạt 12.050.000 đồng. Dây hụi còn 22 phần hụi sống, hụi viên đóng số tiền 16.650.000 đồng.

Dây hụi tuần 200.000 đồng mở ngày 14/8/2023 Âm lịch (28/9/2023 Dương lịch), gồm 30 phần hụi, có 11 người tham gia (bị cáo tham gia 02 phần hụi, đã hốt hụi). Dây hụi 01 tuần tổ chức gom hụi và giao hụi 01 kỳ, đến khi ngừng hụi được 03 kỳ. Trong đó, 02 phần bị cáo hốt thật (ở kỳ 01 và 02) còn lại 01 kỳ bị cáo kê khống tên C (ở kỳ 03) hốt hụi, chiếm đoạt 2.700.000 đồng. Dây hụi còn 18 phần hụi sống, hụi viên đóng số tiền 8.100.000 đồng.

Dây hụi tháng 2.000.000 đồng mở ngày 10/01/2023 Âm lịch (31/01/2023 Dương lịch), gồm 13 phần hụi, có 08 người tham gia (bị cáo tham gia 01 phần hụi, đã hốt hụi). Dây hụi 01 tháng khai hụi 01 kỳ, đến khi ngừng hụi được 09 kỳ khai. Trong đó, 03 phần hốt thật; bị cáo kê khống phần hụi tên Anh T13 hốt ở kỳ 01 được 15.500.000 đồng, choàng hụi 2.000.000 đồng, chiếm đoạt 13.500.000 đồng và phần hụi tên C hốt ở kỳ 04, chiếm đoạt 11.840.000 đồng; 04 kỳ bị cáo tự ý hốt hụi mà không thông báo cho hụi viên là bà Dương Nguyễn Thiên T2, sinh năm 1984, nơi thường trú ấp C, xã N (tự ý hốt ở kỳ 06, 07, 08); bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1978, nơi thường trú ấp D, xã N (tự ý hốt ở kỳ 09). Số tiền hốt hụi là 57.280.000 đồng, số tiền chiếm đoạt là 57.280.000 đồng. Dây hụi còn 04 phần hụi sống, hụi viên đóng tổng số tiền 55.840.000 đồng.

Còn lại 09 dây hụi chưa kết thúc (chưa mãn hụi) gồm:

Dây hụi tuần 200.000 đồng mở ngày 19/02/2023 Âm lịch (09/4/2023 Dương lịch) gồm 30 phần hụi, có 15 người tham gia, đã tổ chức 28 kỳ. Bị cáo tham gia 01 phần hụi, đã hốt hụi. Dây hụi có 08 phần hụi hốt thật, bị cáo kê khống 04 phần hụi để hốt, bị cáo tự ý lấy 16 phần hụi của hụi viên để hốt mà không thông báo cho hụi viên biết.

Dây hụi tuần 200.000 đồng mở ngày 18/03/2023 Âm lịch (07/5/2023 Dương lịch) gồm 30 phần hụi, có 15 người tham gia, đã tổ chức 24 kỳ. Bị cáo tham gia 01 phần hụi, đã hốt hụi. Dây hụi có 08 phần hụi hốt thật, bị cáo kê khống 04 phần hụi để hốt, bị cáo tự ý lấy 12 phần hụi của hụi viên để hốt mà không thông báo cho hụi viên biết.

Dây hụi tuần 200.000 đồng mở ngày 07/4/2023 Âm lịch (25/5/2023 Dương lịch) gồm 30 phần hụi, có 10 người tham gia, đã tổ chức 21 kỳ. Bị cáo không có tham gia hụi. Dây hụi có 07 phần hụi hốt thật, bị cáo kê khống 05 phần hụi để hốt, bị cáo tự ý lấy 09 phần hụi của hụi viên để hốt mà không thông báo cho hụi viên biết.

Dây hội tuần 200.000 đồng mở ngày 12/5/2023 Âm lịch (29/6/2023 Dương lịch) gồm 30 phần hội, có 14 người tham gia, đã tổ chức 16 kỳ. Bị cáo tham gia 01 phần hội, đã hốt hội. Dây hội có 06 phần hội hốt thật, bị cáo kê không 06 phần hội để hốt, bị cáo tự ý lấy 04 phần hội của hội viên để hốt mà không thông báo cho hội viên biết.

Dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 15/6/2022 Âm lịch (13/7/2022 Dương lịch) gồm 17 phần hội, có 14 người tham gia, đã tổ chức khai 16 kỳ. Bị cáo tham gia 02 phần hội, đã hốt hội. Dây hội có 12 phần hội hốt thật, bị cáo kê không 01 phần hội để hốt, bị cáo tự ý lấy 03 phần hội của hội viên để hốt mà không thông báo cho hội viên biết.

Dây hội tháng 3.000.000 đồng mở ngày 15/9/2022 Âm lịch (10/10/2022 Dương lịch) gồm 14 phần hội, có 08 người tham gia, đã tổ chức khai 13 kỳ. Bị cáo tham gia 02 phần hội, đã hốt hội. Dây hội có 11 phần hội hốt thật, bị cáo kê không 02 phần hội để hốt.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20/10/2022 Âm lịch (13/11/2022 Dương lịch) gồm 16 phần hội, có 14 người tham gia, đã tổ chức khai 12 kỳ. Bị cáo tham gia 01 phần hội, đã hốt hội. Dây hội có 05 phần hội hốt thật, bị cáo kê không 02 phần hội để hốt, bị cáo tự ý lấy 04 phần hội của hội viên để hốt mà không thông báo cho hội viên biết.

Dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 10/4/2023 Âm lịch (28/5/2023 Dương lịch) gồm 12 phần hội, có 05 người tham gia, đã tổ chức khai 05 kỳ. Bị cáo tham gia 04 phần hội, đã hốt 02 phần hội. Dây hội có 03 phần hội hốt thật, bị cáo kê không 02 phần hội để hốt.

Trong 08 dây hội này, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chứng minh quá trình bị cáo tổ chức hội có kê hội không và tự ý lấy các phần hội của hội viên để hốt mà không thông báo cho hội viên biết. Tuy nhiên, bị cáo và các hội viên không ghi nhận lại thời gian hốt hội và số tiền hốt hội nên không thể chứng minh được cụ thể số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bị cáo và các hội viên đã thống nhất thanh toán tiền hội sống đã đóng.

Còn lại dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 01/8/2023 Âm lịch (15/9/2023 Dương lịch) gồm 14 phần hội, có 08 người tham gia, đã tổ chức khai 01 kỳ. Bị cáo tham gia 01 phần hội, đã hốt hội. Bị cáo có kê không 05 phần hội nhưng chưa hốt hội. Dây hội này bị cáo chưa chiếm đoạt tài sản của hội viên.

Như vậy bị cáo Nguyễn Thị Kim T14 quá trình làm đầu thảo hội đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không hốt 06 phần hội chiếm đoạt số tiền 39.740.000 đồng; tự lấy tên của hội viên không thông báo cho hội viên biết để hốt 09 phần chiếm đoạt số tiền 77.130.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo Nguyễn Thị K chiếm đoạt là 116.870.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 71/CT - VKS- HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Thị Kim hoàn T15 thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như sau: Vào khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 10 năm 2023, tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo trong thời gian làm đầu thảo hụi đã có hành dùng thủ đoạn gian dối kê tên khống để hốt 06 phần hụi chiếm đoạt số tiền 39.740.000 đồng; tự lấy tên của hụi viên không thông báo cho hụi viên biết để hốt 09 phần chiếm đoạt số tiền 77.130.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt là 116.870.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả đối chất, tranh tụng công khai tại phiên tòa, thể hiện bị cáo Nguyễn Thị K đã có hành vi gian dối bằng hình thức lợi dụng việc bị cáo làm đầu thảo hụi, các hụi viên khi tham gia chơi hụi tin tưởng bị cáo, không kiểm tra tổng số hụi viên tham gia trong dây hụi nên bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối là kê khống tên hụi viên và tự ý lấy tên của các hụi viên trong các dây hụi, hốt hụi nhằm mục đích đóng hụi thay (choàng hụi) cho các hụi viên không đóng các phần hụi khi đã hốt hụi trước đó, trả nợ cho các khoản vay mượn bên ngoài và tiêu xài cá nhân dẫn đến hậu quả thiệt hại đã xảy ra với số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 116.870.000 đồng, đủ căn cứ truy tố bị cáo Nguyễn Thị K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Thị K, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/08/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP, ngày 06/9/2022. Buộc bị cáo Nguyễn Thị K có trách nhiệm bồi hoàn cho các bị hại; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt và số tiền hụi bị cáo tự nguyện trả lại cho các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện trả cho bị cáo K cụ thể như sau:

- Trả cho bà Trần Thị Thùy T1 số tiền hụi tuần là 9.900.000 đồng và tiền hụi tháng đã đóng ở dây hụi mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng và số tiền 800.000 đồng.
- Trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền hụi tuần là 3.000.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ú, số tiền hụi tuần là 5.550.000 đồng và tiền hụi tháng là 13.430.000 đồng.
- Trả cho bà Dương Nguyễn Thiên T2 số tiền hụi tuần là 41.100.000 đồng và tiền hụi tháng là 41.880.000 đồng.

- Trả cho bà Lê Ngọc Hằng S3 tiền hội tuần là 1.500.000 đồng và tiền hội tháng là 800.000 đồng, bà H1 sẽ thanh toán tiền hội chết là 7.000.000 đồng.
- Bà Phạm Thị D tự nguyện trả bị cáo số tiền hội tuần chết là 3.600.000 đồng.
- Trả cho bà Lưu Thị H2 số tiền hội tuần là 4.950.000 đồng và bà H2 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết 1.400.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền hội tuần là 450.000 đồng.
- Trả cho bà Lê Thị Bé N số tiền hội tuần là 15.600.000 đồng và tiền hội tháng là 13.960.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Như H3 số tiền hội tuần là 7.500.000 đồng, bà H3 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết là 1.200.000 đồng.
- Trả cho bà Lưu Thị Mỹ V số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 15/3/2022 âm lịch là 25.000.000 đồng.
- Bà Lý Hồng T4 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hội tháng chết là 4.000.000 đồng.
- Trả cho bà Đồng Thị H4 số tiền hội tuần là 11.100.000 đồng, bà H4 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.800.000 đồng.
- Trả cho bà Hồ Thị L số tiền hội tuần là 7.200.000 đồng và tiền hội tháng là 31.000.000 đồng, bà L sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.200.000 đồng
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền hội tuần là 3.450.000 đồng, bà L1 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.400.000 đồng.
- Trả cho bà Lê Thị D1 số tiền hội tuần là 1.800.000 đồng và tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 là 8.400.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Trúc P số tiền hội tuần là 2.250.000 đồng.
- Trả cho bà Phan Thị Ngọc H5 số tiền hội tháng là 25.600.000 đồng và 8.400.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền hội tháng là 13.960.000 đồng.
- Trả cho ông Nguyễn Tấn Sĩ S4 tiền hội tuần là 21.150.000 đồng và tiền hội tháng là 16.000.000 đồng, ông S1 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 5.400.000 đồng.
- Trả cho bà Dương Thị Ngọc O số tiền hội tuần là 3.450.000 đồng, bà O sẽ thanh toán số tiền hội chết là 3.600.000 đồng.
- Trả cho bà Hồ Thị H6 số tiền hội tuần là 3.150.000 đồng, bà H6 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.800.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền hội tuần là 6.900.000 đồng và số tiền hội tháng là 8.400.000 đồng
- Trả cho bà Hán Thị T5 số tiền hội tuần là 4.200.000 đồng.
- Trả cho bà Trần Thị H7 số tiền hội tuần là 29.800.000 đồng và tiền hội sống đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 aal là 8.400.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền hội tuần là 900.000 đồng.
- Trả cho bà Ngô Thị G số tiền hội tuần là 12.000.000 đồng.
- Trả cho bà Trần Thị H8 số tiền hội tuần là 1.200.000 đồng và tiền hội tháng đã đóng dây hội mở ngày 10/4/2023 al là 9.600.000 đồng và 800.000 đồng.

- Trả cho bà Phan Thị M số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 là 8.400.000 đồng.
- Trả cho bà Trần Thị T7 số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 10/4/2022 là 9.600.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền hội tuần là 1.500.000 đồng.
- Trả cho ông Huỳnh Văn Q số tiền hội tuần là 1.200.000 đồng
- Trả cho bà Sơn Thị T8 số tiền hội tuần là 900.000 đồng, bà T8 sẽ thanh toán số tiền hội chết 4.800.000 đồng.
- Bà Thạch Thị N1 tự nguyện thanh toán số tiền hội tháng chết cho bị cáo K là 4.800.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H9 số tiền hội tuần là 18.750.000 đồng.
- Trả cho bà Phạm Thị Đ1 số tiền hội tuần là 6.600.000 đồng và tiền hội tháng là 13.960.000 đồng, bà Đ1 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội tuần chết cho bị cáo K là 2.800.000 đồng.
- Trả cho ông Lê Minh H10 số tiền hội tuần là 37.200.000 đồng và số tiền hội tháng là 23.690.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Huyền N2 số tiền hội tuần là 4.800.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị Kim N3 số tiền hội tuần là 450.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị S2 số tiền hội tuần 900.000 đồng và số tiền hội tháng là 31.000.000 đồng.
- Trả cho bà Lưu Thị T9 số tiền hội tuần là 20.100.000 đồng và số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng, bà T9 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K là 1.600.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Thị N4 số tiền hội tuần là 750.000 đồng và số tiền hội tháng 36.000.000 đồng, bà N4 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K 6.000.000 đồng.
- Trả cho bà Trần Thị Q1 số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng.
- Trả cho bà Nguyễn Mộng T10 số tiền hội tuần là 10.950.000 đồng, bà T10 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K 600.000 đồng.
- Trả cho bà Lê Thị T11 số tiền hội tháng 800.000 đồng, bà T11 sẽ thanh toán tiền hội tuần chết bị cáo K 2.400.000 đồng và hội tháng chết là 2.000.000 đồng.
- Bà Huỳnh Thị V1 tự nguyện sẽ thanh toán số tiền hội tháng chết cho bị cáo K 8.000.000 đồng.

Riêng Huỳnh Thị L2 trình bày trình bày không tham gia dây hội tuần mở ngày 12/5/2023 âm lịch, bị cáo K trình bày bà L2 Tham gia và đã hốt hội, còn nợ hội chết, Hiện tại bà L2 bị bệnh không tiến hành đòi chất được và bà Trần Thị Q1 yêu cầu nhận lại số tiền 1.600.000 đồng tại dây hội tháng mở ngày 01/8/2023 âm lịch, bị cáo K trình bày bà Q1 đóng số tiền 800.000 đồng và đã nhận lại tiền (dây hội không có dấu hiệu của tội phạm) nếu có phát sinh tranh chấp tiền hội với đầu thảo là bị cáo Nguyễn Thị K thì được quyền kiện thành vụ kiện dân sự khác và

ngược lại đầu thảo cũng được quyền kiện các hội viên không đóng hội chết thành một vụ kiện dân sự khác, nếu có yêu cầu.

Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là: 01 quyển sổ hội của bị cáo Nguyễn Thị K; Các danh sách hội viên và các tài liệu khác do các hội viên giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong giai đoạn Điều tra, xác minh là các tài liệu, chứng cứ trong việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, xử lý lưu vào hồ sơ vụ án.

Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim P1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 29.215.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc H1, bà Phạm Thị D, bà Dương Thị Ngọc O, bà Sơn Thị T8, bà Thạch Thị N1, bà Lê Thị T11 mỗi người phải nộp 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị V1 nộp 400.000 đồng và bà Lê Thị D1 nộp 330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Qua quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo Nguyễn Thị K có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Thị K: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm về với gia đình và làm ăn trả tiền cho các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa hôm nay, có 04 bị hại là bà Trần Thị Thùy T1, bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị Ú và bà Dương Nguyễn Thiên T2 có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, và có 45 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt là phù hợp với Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên Tòa vị đại diện viện kiểm sát và bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vì việc vắng mặt của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do đã có lời khai trình bày rõ sự việc tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, được Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thông nhất với nội dung bản Cáo trạng số: 71/CT-VKS - HS ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long đã nêu. Bị cáo thừa nhận do bị cáo bị mất cân đối trong việc thanh toán tiền nợ vay, nợ hội, tiêu xài cá nhân nên bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của các hội viên bằng hình thức mở các dây hội, do các hội viên tin tưởng, thường hay không có mặt khai hội nên bị cáo kê tên không

vào các dây hui để hốt và tự ý lấy tên của các hui viên tham gia thật để hốt hui nhằm chiếm đoạt tài sản của các hui viên. Đến tháng 10 năm 2023, bị cáo bị mất cân đối tiền bạc, không còn khả năng thanh toán cho các hui viên nên bị cáo rời khỏi địa phương, không tiếp tục tổ chức các dây hui và tuyên bố úp hui( tức ngưng khai), số tiền bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt là 116.870.000 đồng. Lời nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị K tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra thu thập được. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị K về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự, là phù hợp với qui định của pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại đến tài sản sẽ bị nghiêm trị. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo Điều 12 Bộ luật hình sự. Bị cáo nhận thức được việc thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn có tiền để trả các khoản nợ khác, choàng hui và tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã lợi dụng việc mình làm đầu thảo hui và các hui viên tham gia chơi hui tin tưởng bị cáo, các bị hại ít có mặt lúc khai hui nên bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối kê tên không trong 06 phần hui và tự ý lấy tên của các hui viên tham gia thật để hốt 09 phần hui nhằm chiếm đoạt tài sản của các hui viên, trong khi các hui viên này hoàn toàn không biết. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2023 đến tháng 10/2023. Hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội hai lần trở lên là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự, đã gây mất an ninh, trật tự tại địa phương.

[4] Tình hình tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua hình thức lợi dụng việc tham gia góp hui để chiếm đoạt tài sản xảy ra cả nước nói chung và trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nói riêng liên tục gia tăng và mức độ phạm tội ngày càng tinh vi, số tiền chiếm đoạt ngày càng nhiều, việc bê hui dễ gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại địa phương. Để góp phần ổn định tình hình đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần lên cho bị cáo một mức án thật nghiêm cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để nhằm giáo dục bị cáo, răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị K, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có người thân là người có công với cách mạng như cha ruột Trần Văn T, chú, bác là liệt sĩ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm s, x khoản 1 khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó ý kiến đề nghị của vị đại

diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với Phùng Văn K1 là chồng của bị cáo Nguyễn Thị K, không biết việc bị cáo K dùng thủ đoạn gian dối kê tên khống và tự lấy tên của hội viên không thông báo cho hội viên biết để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của ông K1 không cấu thành tội phạm, cơ quan Công an không xử lý.

Đối với bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1956, nơi thường trú ấp R, xã N trình bày không tham gia dây hội tuần mở ngày 12/5/2023 Âm lịch, bị cáo K trình bày bà L2 có tham gia và đã hốt hội, còn nợ hội chết. Hiện tại, bà L2 bị bệnh không đến Cơ quan điều tra tiến hành đối chất.

Đối với bà Trần Thị Q1, sinh năm 1972, nơi thường trú ấp P, xã B yêu cầu nhận lại số tiền 1.600.000 đồng tại dây hội tháng mở ngày 01/8/2023 Âm lịch (dây hội không có dấu hiệu của tội phạm), bị cáo K trình bày bà Q1 đóng số tiền 800.000 đồng và đã nhận lại tiền.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Kim đồng ý bồi thường số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo đã thống nhất đối chiếu số tiền còn nợ và đồng ý trả lại toàn bộ cho các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hội chết cụ thể như sau:

8.1. Trả cho bà Trần Thị Thùy T1 số tiền hội tuần là 9.900.000 đồng và tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng và số tiền 800.000 đồng.

8.2. Trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền hội tuần là 3.000.000 đồng.

8.3. Trả cho bà Nguyễn Thị Ú, số tiền hội tuần là 5.550.000 đồng và tiền hội tháng là 13.430.000 đồng.

8.4. Trả cho bà Dương Nguyễn Thiên T2 số tiền hội tuần là 41.100.000 đồng và tiền hội tháng là 41.880.000 đồng.

8.5. Trả cho bà Lê Ngọc Hằng S3 tiền hội tuần là 1.500.000 đồng và tiền hội tháng là 800.000 đồng, bà H1 sẽ thanh toán tiền hội chết là 7.000.000 đồng.

8.6. Bà Phạm Thị D tự nguyện trả bị cáo số tiền hội tuần chết là 3.600.000 đồng.

8.7. Trả cho bà Lưu Thị H2 số tiền hội tuần là 4.950.000 đồng và bà H2 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết 1.400.000 đồng.

8.8. Trả cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền hội tuần là 450.000 đồng.

8.9. Trả cho bà Lê Thị Bé N số tiền hội tuần là 15.600.000 đồng và tiền hội tháng là 13.960.000 đồng.

8.10. Trả cho bà Nguyễn Như H3 số tiền hội tuần là 7.500.000 đồng, bà H3 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết là 1.200.000 đồng.

8.11. Trả cho bà Lưu Thị Mỹ V số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 15/3/2022 âm lịch là 25.000.000 đồng.

8.12. Bà Lý Hồng T4 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hội tháng chết là 4.000.000 đồng.

8.13. Trả cho bà Đồng Thị H4 số tiền hội tuần là 11.100.000 đồng, bà H4 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.800.000 đồng.

8.14. Trả cho bà Hồ Thị L số tiền hội tuần là 7.200.000 đồng và tiền hội tháng là 31.000.000 đồng, bà L sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.200.000 đồng

8.15. Trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền hội tuần là 3.450.000 đồng, bà L1 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.400.000 đồng.

8.16. Trả cho bà Lê Thị D1 số tiền hội tuần là 1.800.000 đồng và tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 là 8.400.000 đồng.

8.17. Trả cho bà Nguyễn Trúc P số tiền hội tuần là 2.250.000 đồng.

8.18. Trả cho bà Phan Thị Ngọc H5 số tiền hội tháng là 25.600.000 đồng và 8.400.000 đồng.

8.19. Trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền hội tháng là 13.960.000 đồng.

8.20. Trả cho ông Nguyễn Tấn Sĩ S4 tiền hội tuần là 21.150.000 đồng và tiền hội tháng là 16.000.000 đồng, ông S1 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 5.400.000 đồng.

8.21. Trả cho bà Dương Thị Ngọc O số tiền hội tuần là 3.450.000 đồng, bà O sẽ thanh toán số tiền hội chết là 3.600.000 đồng.

8.22. Trả cho bà Hồ Thị H6 số tiền hội tuần là 3.150.000 đồng, bà H6 sẽ thanh toán số tiền hội chết là 1.800.000 đồng.

8.23. Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền hội tuần là 6.900.000 đồng và số tiền hội tháng là 8.400.000 đồng

8.24. Trả cho bà Hán Thị T5 số tiền hội tuần là 4.200.000 đồng.

8.25. Trả cho bà Trần Thị H7 số tiền hội tuần là 29.800.000 đồng và tiền hội sống đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 aal là 8.400.000 đồng.

8.26. Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền hội tuần là 900.000 đồng.

8.27. Trả cho bà Ngô Thị G số tiền hội tuần là 12.000.000 đồng.

8.28. Trả cho bà Trần Thị H8 số tiền hội tuần là 1.200.000 đồng và tiền hội tháng đã đóng dây hội mở ngày 10/4/2023 al là 9.600.000 đồng và 800.000 đồng.

8.29. Trả cho bà Phan Thị M số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âl là 8.400.000 đồng.

8.30. Trả cho bà Trần Thị T7 số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 10/4/2022 âl là 9.600.000 đồng.

8.31. Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền hội tuần là 1.500.000 đồng.

8.32. Trả cho ông Huỳnh Văn Q số tiền hội tuần là 1.200.000 đồng

8.33. Trả cho bà Sơn Thị T8 số tiền hội tuần là 900.000 đồng, bà T8 sẽ thanh toán số tiền hội chết 4.800.000 đồng.

8.34. Bà Thạch Thị N1 tự nguyện thanh toán số tiền hội tháng chết cho bị cáo K là 4.800.000 đồng.

8.35. Trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H9 số tiền hội tuần là 18.750.000 đồng.

8.36. Trả cho bà Phạm Thị Đ1 số tiền hội tuần là 6.600.000 đồng và tiền hội tháng là 13.960.000 đồng, bà Đ1 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội tuần chết cho bị cáo K là 2.800.000 đồng.

8.37. Trả cho ông Lê Minh H10 số tiền hội tuần là 37.200.000 đồng và số tiền hội tháng là 23.690.000 đồng.

8.38. Trả cho bà Nguyễn Thị Huyền N2 số tiền hội tuần là 4.800.000 đồng.

8.39. Trả cho bà Nguyễn Thị Kim N3 số tiền hội tuần là 450.000 đồng.

8.40. Trả cho bà Nguyễn Thị S2 số tiền hội tuần 900.000 đồng và số tiền hội tháng là 31.000.000 đồng.

8.41. Trả cho bà Lưu Thị T9 số tiền hội tuần là 20.100.000 đồng và số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng, bà T9 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K là 1.600.000 đồng.

8.42. Trả cho bà Nguyễn Thị N4 số tiền hội tuần là 750.000 đồng và số tiền hội tháng 36.000.000 đồng, bà N4 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K 6.000.000 đồng.

8.43. Trả cho bà Trần Thị Q1 số tiền hội tháng đã đóng ở dây hội mở ngày 20/10/2022 âm lịch là 8.400.000 đồng.

8.44. Trả cho bà Nguyễn Mộng T10 số tiền hội tuần là 10.950.000 đồng, bà T10 sẽ tự nguyện thanh toán số tiền hội chết cho bị cáo K 600.000 đồng.

8.45. Trả cho bà Lê Thị T11 số tiền hội tháng 800.000 đồng, bà T11 sẽ thanh toán tiền hội tuần chết chị bị cáo K 2.400.000 đồng và hội tháng chết là 2.000.000 đồng.

8.46. Bà Huỳnh Thị V1 tự nguyện sẽ thanh toán số tiền hội tháng chết cho bị cáo K 8.000.000 đồng.

Riêng Huỳnh Thị L2 trình bày trình bày không tham gia dây hội tuần mở ngày 12/5/2023 âm lịch, bị cáo K trình bày bà L2 Tham gia và đã hốt hội, còn nợ hội chết, Hiện tại bà L2 bị bệnh không tiến hành đòi chất được và bà Trần Thị Q1 yêu cầu nhận lại số tiền 1.600.000 đồng tại dây hội tháng mở ngày 01/8/2023 âm lịch, bị cáo K trình bày bà Q1 đóng số tiền 800.000 đồng và đã nhận lại tiền (dây hội không có dấu hiệu của tội phạm) nếu có phát sinh tranh chấp tiền hội với đầu thảo là bị cáo Nguyễn Thị K thì được quyền kiện thành vụ kiện dân sự khác và ngược lại đầu thảo cũng được quyền kiện các hội viên không đóng hội chết thành một vụ kiện dân sự khác, nếu có yêu cầu.

[10] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra có thu giữ vật chứng là: 01 quyển sổ hội của bị cáo Nguyễn Thị K; Các danh sách hội viên và các tài liệu khác do các hội viên giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra cùng các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong giai đoạn Điều tra, xác minh là các tài liệu,

chứng cứ trong việc thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, xử lý lưu vào hồ sơ vụ án.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim P1 chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 29.215.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc H1, bà Phạm Thị D, bà Dương Thị Ngọc O, bà Sơn Thị T8, bà Thạch Thị N1, bà Lê Thị T11 mỗi người phải nộp 300.000 đồng, bà Huỳnh Thị V1 nộp 400.000 đồng và bà Lê Thị D1 nộp 330.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

\* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị K pham tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299, 327, 331 và Điều 333 Bộ luật  
tổ tụng hình sự;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim 0 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08 tháng 8 năm 2024.

**\* Về trách nhiệm bồi thường dân sự:**

- Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13; Điều 357, và khoản 1 Điều 584; 585; 586; 588; 589 của Bộ luật Dân sự.

- Nghị định: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 về họ, hui, bui, phuong.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim bồi T16 cho các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Trả cho bà Trần Thị Thùy T1 số tiền 19.100.000 đồng (mười chín triệu một trăm nghìn đồng).

+ Trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

+ Trà cho bà Nguyễn Thị Ú, số tiền 18.980.000 đồng (mười tám triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Dương Nguyễn Thiên T2 số tiền 82.980.000 đồng (*tám mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

+ Trả cho bà Lưu Thị H2 số tiền 3.550.000 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị T3 số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Lê Thị Bé N số tiền 27.560.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

+ Trả cho bà Nguyễn Như H3 số tiền 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Trả cho bà Lưu Thị Mỹ V số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- + Trả cho bà Đồng Thị H4 số tiền 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Hồ Thị L số tiền 37.000.000 đồng (ba mươi bảy triệu đồng)
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 2.050.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Trúc P số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Phan Thị Ngọc H5 số tiền 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Hồng Đ số tiền 13.960.000 đồng (mười ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng)
- + Trả cho ông Nguyễn Tấn Sĩ S4 tiền 31.750.000 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Hồ Thị H6 số tiền 1.350.000 đồng (một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc B số tiền 15.300.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng)
- + Trả cho bà Hán Thị T5 số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Trần Thị H7 số tiền 38.200.000 đồng (ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Ngô Thị G số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).
- + Trả cho bà Trần Thị H8 số tiền 11.600.000 đồng. (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng)
- + Trả cho bà Phan Thị M số tiền 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Trần Thị T7 số tiền 9.600.000 đồng (chín triệu sáu trăm nghìn đồng)
- + Trả cho bà Nguyễn Thị T6 số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).
- + Trả cho ông Huỳnh Văn Q số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng)
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ H9 số tiền 18.750.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Phạm Thị Đ1 số tiền 17.760.000 đồng (mười bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)
- + Trả cho ông Lê Minh H10 số tiền 60.890.000 đồng (sáu mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Huyền N2 số tiền 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
- + Trả cho bà Nguyễn Thị Kim N3 số tiền 450.000 đồng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị S2 số tiền 31.900.000 đồng (ba mươi một triệu chín trăm nghìn đồng)

+ Trả cho bà Lưu Thị T9 số tiền 26.900.000 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Thị N4 số tiền 30.750.000 đồng (ba mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả cho bà Trần Thị Q1 số tiền 8.400.000 đồng (tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

+ Trả cho bà Nguyễn Mộng T10 số tiền 10.350.000 đồng (mười triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)

- Ghi nhận sự tự nguyện của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Bà Lê Ngọc H1 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền 4.700.000 đồng (bốn triệu bảy trăm nghìn đồng).

+ Bà Phạm Thị D tự nguyện trả bị cáo K số tiền 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Bà Lý Hồng T4 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

+ Bà Dương Thị Ngọc O tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng)

+ Bà Sơn Thị T8 tự nguyện trả cho bà K số tiền hui chết 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Bà Thạch Thị N1 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hui chết 4.800.000 đồng (bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Bà Lê Thị T11 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hui chết 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

+ Bà Huỳnh Thị V1 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hui chết 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

+ Bà Lê Thị D1 tự nguyện trả cho bị cáo K số tiền hui chết 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Giành cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị L2, bà Trần Thị Q1 với bị cáo Nguyễn Thị K được quyền kiện thành vụ kiện khác nếu có phát sinh tranh chấp dây hui tuần mở ngày 12/5/2023 âm lịch và dây hui tháng mở ngày 01/8/2023 âm lịch, nếu có yêu cầu.

**3. Về vật chứng:** Căn cứ điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) quyển sổ hui của bị cáo Nguyễn Thị K; Các danh sách hui viên và các tài liệu khác do các hui viên giao nộp lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

**4. Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q2. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim P1 chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 29.215.000 đồng (*Hai mươi chín triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc H1, bà Phạm Thị D, bà Dương Thị Ngọc O, bà Sơn Thị T8, bà Thạch Thị N1, bà Lê Thị T11 mỗi người phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), bà Huỳnh Thị V1 phải nộp 400.000 đồng (*bốn trăm nghìn*) và bà Lê Thị D1 phải nộp 330.000 đồng (*ba trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, có mặt tại phiên tòa được biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Riêng các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã N5 cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Công an huyện Càng Long;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Hoàng Vân**

